

LÊ QUÝ ĐÔN VÀ NÔNG NGHIỆP

LÊ QUÝ ĐÔN nhà bác học lớn nhất thời phong kiến Việt Nam đã dành cả cuộc đời để suy nghĩ, nghiên cứu và biên soạn.

Cũng như mọi nhà trí thức chân chính của Việt Nam, ông luôn luôn tưởng nhớ quê hương, băn khoăn trước cảnh khổ của dân nghèo.

*Xanh xanh dương liễu nhớ quê nhà
Đêm lạnh tàn canh ngòi chẵn ngủ
(Trụ sinh kè)*

Từ nhỏ đến lớn, dù ở địa vị quyền quý nhất trong xã hội ông luôn luôn đi sát tình hình sản xuất và sinh hoạt của nông dân

*Dân nghèo cay đắng thật
Long đong sớm lại chiều
(Đô thiên Đức Giang)*

Chúng ta tìm hiểu thêm tâm sự của ông khi ông đứng trước cảnh nông dân tát nước suốt ngày mà nước chẳng có.

*Cái gầu suốt ngày không nghỉ tạm
Ao gần, ruộng đáng ba trăm tiền
Ruộng xa nửa gáo nước chẳng đến...
Cánh đồng cát trắng trông mênh mông*

Ông chứng kiến cảnh:

*Dân làng nháo nhác chờ mưa xuống
Đôi mày nhíu lại thở than lòng!...
Có chỗ mạ nhú như mũi kim
Có chỗ hoang trùng ra cấu sạch
(Trần doanh kỳ vũ)*

Nỗi vui mừng của Lê Quý Đôn gắn liền với nỗi vui mừng của nông dân khi mưa thuận gió hòa và lúa cây xanh tốt.

Khô cần nứt nẻ ruộng bờ cang

*Đông nội mưa tuôn xiết nổi mừng
(Bắc trấn hỷ vũ)*

*Hoa màu kê lúa xanh rờn
Năm nay sẽ hát đón nguồn phong thu
(Liên nhật âm vũ)*

*Gió thu mát nẻo đường sông
Lúa lên xanh tốt ruộng đồng như mây
(Đô Thiên Đức giang)*

*Hoa màu lúa má đều nảy sinh
Năm nay được mùa vang ca khúc...
(Liên nhật âm vũ)*

Trong một đất nước mà đời sống ấm no của nhân dân và sự phồn vinh của đất nước chỉ trông vào nông nghiệp thì mùa màng không chỉ là điều lo lắng ngày đêm của nông dân mà còn là điều thường xuyên day dứt người trí thức.

Nhà bác học Lê Quý Đôn đó để lại hàng trăm cuốn sách. Ông không viết sách để nổi danh hoặc để kiếm tiền. Sự thôi thúc ông thức khuya dậy sớm để nghiên cứu và biên soạn là sự thôi thúc từ tình cảm sâu sắc của ông đối với nhân dân và đất nước. Chính vì lẽ đó mà tác phẩm của ông cách đây 200 năm đã mang *tính khoa học* và *tính thực tiễn*. Vừa tiếp thu những kiến thức cao nhất của đương thời, vừa điều tra tình hình cụ thể của đất nước: đó là phương châm đã chi phối suốt cuộc đời hoạt động của ông. Phương châm ấy cũng là phương châm hoạt động của chính những người làm công tác xã hội học của chúng ta ngày nay.

Để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước về mọi mặt, Đảng và Nhà nước ta đang đặt ra cho giới khoa học một trong những nhiệm vụ hàng đầu là: *điều tra nghiên cứu về tài nguyên thiên nhiên của đất nước*. Trong dịp này chúng tôi chỉ trích riêng một số tài liệu sưu tầm và nghiên cứu của Lê Quý Đôn về giống lúa và nông nghiệp.

Thái độ khoa học của Lê Quý Đôn tiếp tục là bài học quý báu cho chúng ta ngày nay:

Các giống lúa (Theo Lê Quý Đôn, nước ta có 9 giống lúa chiêm, 23 giống lúa mùa, 29 giống lúa nếp. Mỗi giống lại phân chia ra nhiều loại theo đặc tính của nó cho nên có tới hàng trăm giống lúa).

Lúa chiêm:

“Lúa chiêm bầu, rất dễ mọc, nên cây thưa, và cấy vào ruộng nhiều nước, thóc gạo to và đỏ, cơm cứng lắm”

“Lúa chiêm hạn nên cấy vào ruộng sâu, ở núi Sơn Nam hạ cấy lúa này rất nhiều và có ba giống lúa.

1. Một giống hạt nhỏ dài, đỏ, có râu
2. Một giống hạt mọng bột, không râu
3. Một giống hạt to, đỏ, có râu, ưa ruộng hùn lầy.

Có ba giống, gạo đều trắng, nhiều nhựa, mà không ưa giã, thổi cơm lâu chín, nên cấy vào ruộng mùa”

Giống lúa chín sớm:

“Lúa câu: cây thấp bông nhỏ, hạt thóc rất đỏ nên cấy ở ruộng cao - 48 ngày thì lúa chín, gạo thổi cơm cứng”.

“Lúa ba trắng, cũng gọi là ba tháng, sản xuất ở Nghệ An, từ lúc gieo mạ đến khi lúa chín vừa vụn chỉ có ba tháng, gạo trắng cơm thơm, dẻo, nhiều bột”.

“Lúa mâm son: cấy ở ruộng cao, cây nhỏ, hạt đỏ, gạo trắng, chín sớm”.

“Lúa bát ngoại (lúa chín vào tháng 8) nên cấy vào ruộng không cao, không thấp, gạo trắng hạt tròn, chín sớm”.

Giống lúa thơm:

“...Lúa tám xoan, ưa ruộng cao, cây cao, bông dài, mà mềm, hạt thưa mà nhỏ hơi dài, sắc vàng, gạo rất trắng mà thơm”.

“Lúa cánh cây mọi màu, hạt thóc đẹp có hai tai, chín sớm, gạo trắng, hương thơm, khi mạ đã mọc, người ta đi qua cách năm bước đã ngửi thấy hương thơm”.

Giống lúa chịu hạn:

“Lúa lóc, một mầm nảy ba, bốn cây, cũng ưa đất núi, thóc vàng, gạo trắng chín sớm, thường dân (miền núi) thường thổi cơm.

“Lúa mô: sản xuất ở Thái Nguyên, nên trồng ở đồi núi, đốt rẫy lấy tro bán, tháng 2 trồng tháng 6 gặt cây tốt, bông to, hạt nhỏ, gạo đỏ. Lúa mô cũng nên cấy ở đất bãi ngoài đê, cách cấy trồng cũng như trồng lúa ngô”.

Giống lúa đẻ khỏe:

“Lúa tám sinh, cấy một cây mọc đến bốn hay năm cây, thóc vàng sẫm, gạo trắng”.

“Lúa mít còn gọi là tư sinh chủng, một mầm sinh ba, bốn cây gạo không trắng lắm”.

“Lúa hoa viêng, hay lúa sản phụ, một mầm đẻ bốn năm cây, bông to mà hạt sắc sỡ, hạt vừa vàng, vừa trắng, đầu nhọn, chám đen, gạo trắng”.

Giống lúa đặc bông sai hạt:

“Lúa di, nên cấy vào ruộng cao nhiều màu, cây thấp, lá thẳng, bông đặc, thóc nhiều, hạt dẹt nhỏ mà nhẵn, gạo trắng, nở cơm, thổi bốn đấu bằng năm đấu gạo khác”.

Các giống lúa nếp: Các giống lúa nếp thời Lê Quý Đôn tương đối nhiều. Người ta dùng gạo nếp vào các việc làm ma chay, cúng lễ, khao, giỗ, làm bánh và để nấu rượu. Trong *Văn đài loại ngữ* có ghi lại các phương pháp nấu rượu từ thời Tống thời Nguyên và các loại rượu cất từ những giống lúa nếp khác nhau. Có loại nếp chuyên dùng làm cơm gọi là “lúa cơm”. “Lúa cơm, hạt tròn to, sắc vàng,

gạo trắng, thơm, chín về tháng tám ta. Lúa này làm cơm sống ăn rất ngọt. Cơm hòa nước đường hay rang lên, ăn rất ngon. Người ta lấy lá sen gói cơm làm quà cho nhau”.

“Nếp thanh hãn (nếp cây xanh, hạt to, sắc trắng, lông tơ dài, chín rất sớm, sắc dễ biến đổi, nấu rượu rất ngon”.

(Theo Lê Quý Đôn để nhận biết từng giống lúa cũng có nhiều phức tạp. Ông cho biết có giống lúa có nhiều tên khác nhau theo cách gọi của mỗi địa phương). “Lúa thông hay dé sớm, dé đen dé sùng”, “lúa tê cánh, hay tứ bồn, hay dé muộn”.

Về cây ngô:

“Hồi đầu đời Khang Hi (1662 - 1723), Trần Thế Vinh, người huyện Tiên Phong (Sơn Tây), sang sứ Nhà Thanh, mới lấy được giống lúa ngô đem về nước. Suốt cả đất Sơn Tây nhờ có lúa ngô thay cho cơm gạo...Ngô trồng ở Nghệ An phần nhiều là giống ngô trắng. Ngô trồng ở Lạng Sơn có đủ năm sắc” (Phẩm vật 156).

Về cây công nghiệp:

Cây mía:

“Người ta thường dùng mía trắng để chữa chứng cách nhiệt, mía tía, gọi là mía Côn lôn, để tiếp xương bị gãy và bó chân tay bị gãy. Thứ mía nhỏ và khô thì gọi là trúc giá là một giống mía mọc như lau sậy. vỏ cứng đốt ngán, không ăn được chỉ để ép làm đường. Mía trồng về tháng 2, mà phải trồng chéo gốc thì cây mới mọc chóng, gốc mía trồng chéo gốc thì là có nhiều đợt khi ra mầm lại trồng lại thành cây, cứ chiều đến thì làm hết phần bóc hết bẹ thì mía mới tốt”, “Mía trồng một hai năm lại dẫn đi trồng chuối, Ba bốn năm sau lại dẫn hết chuối trồng mía. Mía được đất chuối trồng củ thì tốt và ngọt, trồng xen thêm khoai củ thì đều được thơm ngon”, (Phẩm vật 135; 196).

Về cây bông: (Lê Quý Đôn dẫn sách Ngô Lục của Trương Bột). “Huyện Yên Định ở

Giao châu có cây bông cao hơn một trượng, quả nó như cái chén uống rượu, da mỏng, trong ruột như môi tơ, sắc trắng lạnh, làm vải được”. (Lê Quý Đôn nhận xét): “Xét ra cỗ nhân gọi vải là thứ dệt bằng gai với sắn, mãi sau mới có giống mộc miên (cây bông) từ ở Nam Phiên đưa lại thì mới đủ may mặc cho nhân dân bốn biển, lợi khắp mọi nơi” (Phẩm vật 112).

Về cây ăn quả:

Cây chuối: “Ở giao chỉ có mấy giống chuối:

1/ Chuối lùn (hay tiêu) quả to, vỏ xanh, vị ngọt, hơi chua.

2/ Chuối tiêu (thanh tiêu) quả to, vỏ cũng xanh múi thịt, nục nạc, vị ngon lắm.

3/ Chuối tay bụt (phật tiêu) quả to, vỏ vàng dáng hơi đầy đà, vị ngọt.

4/ Chuối mỏ giang (ô chùy tiêu) quả như chuối lá, mà dài hơn, hơi chua.

5/ Chuối lá cây (mộc điệp tiêu) quả nhỏ, vỏ vàng nhạt, thịt nhũn, ngọt sắc (chuối mẩn).

6/ Chuối tai mèo (miêu nhi tiêu) quả nhỏ dài, vỏ đỏ, vị nhạt.

7/ Chuối hột (hột tiêu) quả to, vỏ vừa xanh, vừa vàng, thịt có nhiều hột, rất ngọt.

8/ Chuối rừng (son tiêu) cây nhỏ mà lùn, ít khi được ăn quả.

Các thứ cây chuối kể trên, lá, hoa, quả đều không giống nhau; nhiều nhà đều có trồng cả”.

(Phẩm vật 195)

Cây cam: “Nước Nam ta có nhiều thứ cam:

1. Cam sen da trơn như vỏ ốc.

2. Cam vú da sần mà vị rất ngon.

3. Cam chanh, da mỏng và mỡ, vừa chua vừa ngọt thanh.

4. Cam sành, da dày, vị chua.

5. Cam mật, da mỏng, vị ngọt.

6. Cam giấy, tức là kim quất, da rất mỏng sắc hồng, trông đẹp mã, vị chua.

7. Cam động đình, quả to, vỏ dày, chua lắm.

Muốn để cam giầy được lâu, nên lấy đậu xanh phủ kín, lâu không biến sắc, vì tính quít nhiệt, mà đậu xanh thì mát, cho nên để được lâu” (Phẩm vật 208).

Về cây làm nhà:

Tre có nhiều loại: loại nhỏ gọi là hoàng ty trúc, mọc ở hang núi, cao độ một thước, nhỏ như cái kim. Tre gai mọc liền, rễ ăn sâu xuống đất một khóm chỉ chút như rừng, dùng làm rào lũy... Tre hóp dài độ hai trượng, chu vi mấy tấc, người ta dùng làm sào. Khi măng chưa mọc thành tre, có thể vót làm dây nỏ được... Tre vầu sản xuất ở Giao Chỉ, cao ba, bốn trượng, đường kính tám, chín phân dùng làm cột nhà. Tre có thứ tre đực và tre cái, Tre cái nhiều măng, cho nên khi trồng người ta thường chọn tre cái. Muốn biết tre đực hay tre cái, nên xem cành thứ nhất trên gốc, có hai cành là cái, một cành là đực. Phép trồng măng, cứ cách một năm chôn ở dưới lũy một con mèo hay con cáo thì sang năm có vô số măng” (Phẩm vật 239, 240, 241).

“Cây xoan gọi là khổ luyện, rất chóng lớn hai ba năm làm được rui nhà

...gỗ ấy đốt thành than hòa với lưu hoàng, diêm tiêu chế thành thuốc nổ. Ở Thanh Hóa và Hưng Hóa sản xuất gỗ ấy, cây rất to, dùng làm nhà không bị mọt, có thể bền được trăm năm” (Phẩm vật 235) (Sách bản thảo có ghi): “Khoảng 60 năm, tre ra hoa, kết quả rồi chết, quả đổ rụng xuống 6 năm lai mọc thành bụi”.

Về biện pháp canh tác:

“Trồng ngô, chỉ việc lấy con dao ngoáy đất bỏ hạt vào” (Phẩm vật 156). (Đây là hình thức canh tác đơn sơ nhất người miền núi thường làm).

“Đất 12 tổng, huyện Đông Thành, trấn Nghệ An đều là đất cát. Dân huyện ấy, theo tục truyền, cứ đến tiết mang chủng (tua rua mọc), thì khởi công cày bừa, gieo thóc giống rất dày, ngay ngày hôm gieo giống, lại bừa luôn lần nữa, thóc giống với cát lẫn lộn. Không bao lâu thóc mọc mầm mưa xuống thấm ướt, màu đất bồi bỏ cho lúa, lúa mọc lên tốt như cỏ, lại bừa lần nữa, mặc dầu là đã có lúa: Bừa thế, đã không hại lúa, mà lại trừ được cỏ. Khi lúa chín, thu hoạch rồi, gốc lúa còn lại, không cắt đi, để cho nó thối thành phân, bón ruộng càng tốt. Cũng có khi bừa lại, hạt thóc rụng xuống, lúa lại mọc, không phải trồng. Một nhà phải có một con trâu, cày được 10 mẫu ruộng, không tốn công mấy” (Phẩm vật 162).

“Phép làm cho tốt ruộng, thì nên trồng đậu xanh trước đã, thứ đến đậu nhỏ và vừng. Các thứ ấy trồng về tháng 5, tháng 6. Đến tháng 7, tháng 8 (thu hoạch xong) cày bừa lật úp xuống, làm ruộng, đồng lúa cho mùa xuân năm sau, thì mỗi mẫu thu được 10 thạch thóc. Những cây đậu và vừng, cày bừa lên như thế, sẽ bón cho ruộng tốt ngang với bón phân tằm, hay phân người” (Phẩm vật 151).

H.T. sưu tầm